

MỐI QUAN HỆ GIỮA GIÁO VIÊN VỚI HỌC SINH VÀ TÁC ĐỘNG CỦA NÓ ĐẾN SỨC KHỎE TINH THẦN CỦA HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

Bài viết là một phần kết quả nghiên cứu của đề tài cấp bộ 2017 - 2018: *Tương quan giữa môi trường gia đình, trường học và sức khỏe tinh thần của học sinh trung học phổ thông*; Viện Tâm lý học chủ trì; PGS.TS. Đỗ Ngọc Khanh làm chủ nhiệm.

ThS. Lê Thị Ngọc Thúy

Viện Tâm lý học.

TÓM TẮT

Nhiều nghiên cứu trên thế giới đã chứng minh rằng, mối quan hệ giữa giáo viên và học sinh có tác động đến các vấn đề hành vi, sức khỏe tinh thần của học sinh. Tuy nhiên, những nghiên cứu về vấn đề trên ở Việt Nam chưa nhiều. Vì vậy, nghiên cứu đã khảo sát 758 học sinh THPT tại 3 tỉnh Hà Nội, Thanh Hóa, Hòa Bình để tìm hiểu thực trạng mối quan hệ giữa giáo viên và học sinh và tác động của nó tới sức khỏe tinh thần của các em. Kết quả khảo sát bằng bảng hỏi cho thấy, học sinh THPT đánh giá khá tích cực về mối quan hệ với giáo viên và mối quan hệ này có những ảnh hưởng nhất định tới sức khỏe tinh thần của các em.

Từ khóa: *Mối quan hệ giữa giáo viên với học sinh; Sức khỏe tinh thần; Học sinh trung học phổ thông.*

Ngày nhận bài: 21/9/2018; Ngày duyệt đăng bài: 25/9/2019.

1. Mở đầu

Cuộc sống của con người chịu sự chi phối bởi môi trường tự nhiên và xã hội. Gia đình, nhà trường, xã hội là ba môi trường liên kết, gắn bó chặt chẽ với nhau trong quá trình hình thành và phát triển của mỗi cá nhân. Nếu như gia đình là môi trường cơ sở, đầu tiên, nơi tạo ra mối quan hệ gắn bó thì nhà trường là môi trường giáo dục rộng lớn hơn, phong phú hơn đối với thế hệ trẻ (Đỗ Thị Châu, 2005). Trong nhà trường, các em được học tập, gặp gỡ, giao lưu với thầy cô và bạn bè, được tham gia vào nhiều hoạt động mang tính xã hội, giúp cho quá trình xã hội hóa cá nhân phong phú, toàn diện hơn.

Mối quan hệ giữa giáo viên với học sinh được xem là nền tảng trong giáo dục nhà trường (Trần Bá Hoành, 2006). Thực tế, hiện nay, có rất nhiều vấn đề xuất hiện trong quan hệ thầy cô giáo với học sinh như bạo lực thầy - trò, áp lực từ thầy cô, học trò chống đối,... Trong nhiều nghiên cứu trên thế giới cũng như ở Việt Nam, mối quan hệ này còn có những ảnh hưởng nhất định đến sức khỏe tinh thần của học sinh.

Nhóm các nhà nghiên cứu Baker J.A., Grant S. và Morlock L. xem xét mối quan hệ giữa giáo viên, học sinh và các vấn đề hành vi của trẻ chỉ ra kết quả: học sinh có mối quan hệ với thầy cô đặc trưng bởi sự ám áp, tin tưởng và mức độ xung đột thấp có liên quan đến hành vi tích cực ở trẻ (Baker và cộng sự, 2008). Môi trường trường học tích cực có tác động thuận lợi đến sức khỏe tinh thần của học sinh: những học sinh nhận được sự quan tâm, hỗ trợ từ giáo viên cao hơn thì mức độ sử dụng ma túy thấp hơn, có hành vi hợp tác xã hội nhiều hơn và ít triệu chứng trầm cảm hơn (Maria D. LaRusso, Daniel Romer, Robert L. Selman, 2007). Cũng nghiên cứu về chất lượng mối quan hệ giữa học sinh và giáo viên và các vấn đề sức khỏe tinh thần, Lauren R. Miller-Lewis, Alyssa C.P. Sawyer, Amelia K. Searle, Murthy N. Mittinty, Michael G. Sawyer và John W. Lynch (2014) chỉ ra nếu có các chiến lược can thiệp và phòng ngừa sớm tập trung vào việc xây dựng mối quan hệ học sinh - giáo viên có chất lượng cao, ổn định thì có thể giúp giảm thiểu các vấn đề sức khỏe tinh thần ở trẻ (Lauren R. và cộng sự, 2014). Trong một nghiên cứu khác, John Hattie đã chỉ ra một lớp học có mối quan hệ hài hòa giữa thầy cô và học sinh sẽ làm giảm mức độ lo lắng cho học sinh và tác động này không nên bỏ qua (Hattie, 2015). Bond và cộng sự (2006) thực hiện một nghiên cứu dài hạn về mối quan hệ xã hội trong trường và thực trạng lạm dụng chất gây nghiện, sức khỏe tinh thần và kết quả học tập ở học sinh lớp 8 và lớp 10. Kết quả nghiên cứu cho thấy, các học sinh có cả mối quan hệ xã hội và mối liên kết với trường học tốt sẽ có kết quả tích cực ở những năm tiếp theo. Ngược lại, những học sinh có mối liên kết với trường học thấp và mối quan hệ xã hội không tốt có triệu chứng rối loạn lo âu/trầm cảm, hút thuốc thường xuyên, uống rượu và sử dụng ma túy ở những năm sau đó. Chuyên gia tâm lý Elizabeth Gershoff đã nghiên cứu tổng hợp về những hình phạt gây đau đớn cho thể xác học sinh mà giáo viên sử dụng trong nhà trường và đưa ra kết luận: hình phạt thể xác chỉ làm cho trẻ chậm dứt hành động mà người lớn không muốn ngay lúc đó nhưng làm tăng sự hiếu chiến, hành vi phản xã hội, thậm chí một số chứng rối loạn tâm thần của trẻ (Elizabeth Gershoff, 2017).

Tại Việt Nam, mối quan hệ giữa giáo viên với học sinh vẫn có nhiều bất cập. Theo tác giả Nguyễn Thị Minh Sao (2015) trong nghiên cứu của mình đã dẫn ra kết quả cho thấy, mối quan hệ giữa thầy cô giáo và học sinh không tốt, thể hiện ở sự tồn tại bạo lực của giáo viên đối với học sinh. Về vấn đề bạo lực

học đường lâu nay vẫn luôn là mối quan tâm lớn của toàn xã hội. Theo kết quả điều tra của Viện Nghiên cứu Phát triển thành phố Hồ Chí Minh (2008), có 48% số học sinh được hỏi trả lời rằng, các em thấy sợ thầy cô giáo của mình. Đáng quan tâm hơn, gần đây bạo lực giữa giáo viên và học sinh càng xảy ra nhiều hơn. Chỉ từ cuối tháng 2 đến tháng 4 năm 2018, trên cả nước đã diễn ra 10 vụ bạo lực học đường liên quan đến học sinh, giáo viên gây chấn động dư luận (dẫn theo vietnammoi.vn). Tác giả Nguyễn Thị Hằng Phương chỉ ra mối quan hệ với thầy cô giáo của học sinh là một trong những nguyên nhân gây rối loạn lo âu ở học sinh trường THPT (Nguyễn Thị Hằng Phương, 2009).

Tóm lại, những kết quả nghiên cứu trên cho thấy, mối quan hệ giáo viên - học sinh tác động đến sức khỏe tinh thần của học sinh là đáng kể. Vấn đề này đã được nghiên cứu nhiều trên thế giới, nhưng ở Việt Nam còn ít được tìm hiểu. Vì vậy, trong khi nghiên cứu tương quan giữa yếu tố môi trường nhà trường và sức khỏe tinh thần của học sinh THPT, nhóm nghiên cứu đã tìm hiểu thực trạng tác động của mối quan hệ giữa giáo viên với học sinh đến sức khỏe tinh thần của các em, từ đó đề xuất những khuyến nghị cụ thể cho thầy cô giáo và học sinh nhằm nâng cao sức khỏe tinh thần cho các em.

Các câu hỏi của nghiên cứu này là: (1) Mối quan hệ giữa giáo viên với học sinh được học sinh đánh giá như thế nào? (2) Mối quan hệ này có sự khác biệt theo các biến nhân khẩu của học sinh không? (3) Mối quan hệ này có tác động như thế nào đến sức khỏe tinh thần của học sinh THPT?

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Mẫu nghiên cứu

Khảo sát thực tiễn được thực hiện từ tháng 4 đến tháng 5 năm 2017 tại 3 tỉnh: Hà Nội, Thanh Hóa, Hòa Bình. Tổng số có 758 học sinh THPT tham gia nghiên cứu này, trong đó học sinh khối 10 chiếm 33,6%, học sinh khối 11 chiếm 34,7%, học sinh khối 12 chiếm 31,7%.

2.2. Công cụ nghiên cứu

Các thang đo được sử dụng để thu thập các dữ liệu thực tế gồm có:

- Thang đo Mối quan hệ giữa giáo viên với học sinh gồm 8 mệnh đề (item) (độ tin cậy Alpha của Cronbach là 0,792) là những nhận định về sự quan tâm, hiểu biết/thông cảm, tôn trọng, lắng nghe, đánh giá công bằng, coi trọng quy tắc ứng xử của thầy cô giáo đối với học sinh, cũng như sự tin tưởng, sự hài lòng của học sinh về thầy cô giáo. Học sinh lựa chọn 4 phương án trả lời cho mỗi nhận định trên thang 4 bậc từ 1 (hoàn toàn không đúng) đến 4 (hoàn toàn đúng). ĐTB càng cao thể hiện học sinh càng đánh giá tích cực về mối quan hệ với thầy cô.

- Thang đo Điểm mạnh và khó khăn của trẻ (SDQ) của Goodman và cộng sự (1998) gồm 25 câu, được chia ra thành 5 thang nhỏ thể hiện: (1) Vấn đề cảm xúc (5 câu); (2) Vấn đề hành vi (5 câu); (3) Tăng động/giảm chú ý (5 câu); (4) Vấn đề hòa nhập (5 câu); (5) Hành vi ủng hộ xã hội (5 câu). Đây là một thang đo đã được nhiều nhà nghiên cứu sử dụng ở Việt Nam. Thang đo có độ tin cậy là 0,65.

- Thang đo Chẩn đoán rối loạn lo âu do tác giả Đỗ Ngọc Khanh thiết kế (độ tin cậy là 0,71) gồm 7 câu hỏi về tần suất xảy ra các phản ứng cơ thể trong vòng 2 tuần qua với 4 mức độ: 0 là “không ngày nào”, 1 là “vài ngày”, 2 là “hơn một nửa số ngày”, 3 là “gần như mọi ngày”.

- Thang đo Trầm cảm PHQ-9 (tác giả Kroenke) phiên bản tiếng Việt gồm 9 câu hỏi, độ tin cậy bằng 0,88. Mức điểm đánh giá là: 0 là “không ngày nào”, 1 là “vài ngày”, 2 là “hơn một nửa số ngày”, 3 là “gần như mọi ngày”

Dữ liệu khảo sát thực tiễn được xử lý bằng phần mềm SPSS. Tác giả sử dụng một số phép phân tích như tính điểm trung bình, so sánh T-test và One way Anova và phân tích hồi quy.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Thực trạng mối quan hệ giữa giáo viên với học sinh THPT

Bảng 1: Thực trạng mối quan hệ giữa giáo viên với học sinh

Các ý kiến	Các phương án trả lời (%)				ĐTB	ĐLC
	1	2	3	4		
Các thầy cô giáo ở trường em thường chấm điểm đúng với chất lượng làm bài thi của học sinh.	2,9	8,3	42,9	45,9	3,32	0,74
Ở trường em, các quy tắc ứng xử trong quan hệ thầy trò, quan hệ bạn bè của học sinh được các thầy/cô giáo rất quan tâm.	2,0	11,9	47,7	38,4	3,23	0,73
Khi chúng em mắc lỗi, thầy/cô giáo thường gặp riêng chúng em để tìm hiểu và giúp chúng em tìm cách khắc phục hợp lý.	6,2	16,0	42,5	35,3	3,07	0,87
Khi ở trường, em cảm thấy chúng em được thầy/cô giáo tôn trọng như những người đã có nhiều hiểu biết và có thể tự giải quyết các vấn đề của mình.	7,3	21,5	47,9	23,3	2,87	0,85

Khi ở trường, em cảm thấy học sinh được thầy/cô giáo lắng nghe để hiểu chúng em muốn gì.	7,8	22,3	50,0	19,9	2,82	0,83
Em cảm thấy các thầy/cô giáo ở trường em hiểu và thông cảm với tâm lý của lứa tuổi học sinh THPT như chúng em.	2,8	27,0	60,1	10,1	2,78	0,65
Khi có gì đó vướng mắc trong cuộc sống nói chung hay trong quan hệ bạn bè nói riêng, em cảm thấy có thể tham khảo ý kiến của thầy/cô giáo chủ nhiệm của em.	26,1	35,4	27,1	11,4	2,24	0,96
Em cảm thấy hài lòng về cách thức em được đối xử ở trường.	4,4	14,8	47,0	33,8	3,10	0,80
Tổng					2,94	0,72

Ghi chú: Điểm cao nhất là 4; điểm thấp nhất là 1 (1- Hoàn toàn không đúng; 2- Phần nhiều không đúng; 3- Phần nhiều là đúng; 4- Hoàn toàn đúng).

Nhìn chung, mối quan hệ với thầy cô giáo được học sinh trong mẫu nghiên cứu đánh giá tương đối tích cực với ĐTB chung khá cao (ĐTB = 2,94/4 điểm - bảng 1). Trong phỏng vấn sâu, một số học sinh cho biết các em luôn nhận được sự quan tâm của thầy cô giáo. Em P.T.L. (Trường THPT Yên Hòa) chia sẻ: “*Học sinh chúng em thì hiếu động, tinh nghịch, không tránh được việc làm thầy cô phiền lòng. Tuy nhiên, thầy cô lớp em luôn có những cách giải quyết khiến chúng em khám phục. Vì thế mà tình cảm thầy trò ngày càng gần gũi, thân thiết*”. Trong khi đó, các nghiên cứu của Action Aid Việt Nam (2004) hay của các tác giả Nguyễn Thị Phương Thảo, Đặng Bích Thủy, Trần Thị Vân Anh (2005) chỉ ra rằng, mối quan hệ giữa giáo viên với học sinh thiếu dân chủ, thiếu gần gũi, ít có sự thân mật giữa thầy và trò, hơn thế, còn tồn tại rất nhiều biểu hiện bạo lực về thể chất hay tinh thần của giáo viên đối với học sinh... Sự khác biệt này có thể là do các nghiên cứu được thực hiện trên các mẫu khách thể ở những địa bàn khác nhau.

Những biểu hiện sự quan tâm, hiểu biết/ thông cảm, tôn trọng, lắng nghe, đánh giá công bằng, ứng xử có nguyên tắc của thầy cô giáo với học sinh có ĐTB dao động từ 2,78 đến 3,32. Trong đó, học sinh đánh giá cao nhất về sự công bằng của giáo viên trong đánh giá kết quả học tập (*Các thầy cô giáo ở trường em thường chấm điểm đúng với chất lượng làm bài thi của học sinh*) với ĐTB là 3,32. Khi trò chuyện, các em có chia sẻ rằng, các em cảm thấy rất khó chịu với những thầy cô thiên vị trong đánh giá kết quả học tập. Có thể nói rằng, việc thầy cô đảm bảo sự minh bạch, công bằng về điểm số giữ vai trò vô cùng quan trọng trong mối quan hệ giữa thầy - trò.

Việc giáo viên coi trọng quy tắc ứng xử (*Ở trường em, các quy tắc ứng xử trong quan hệ thầy trò, quan hệ bạn bè của học sinh được các thầy/cô giáo rất quan tâm*) cũng được học sinh đánh giá khá cao với ĐTB đứng thứ hai (ĐTB = 3,23). Biểu hiện được đánh giá khá cao tiếp theo là sự quan tâm của thầy cô giáo khi xử lý lỗi của học sinh (gặp riêng, tìm hiểu nguyên nhân và giúp khắc phục) với ĐTB = 3,07/4.

Những biểu hiện còn lại thể hiện sự thông cảm, sự tôn trọng, sự lắng nghe của giáo viên cũng được học sinh đánh giá khá tích cực với ĐTB trên dưới 2,80. Khoảng 80% số học sinh cảm thấy hài lòng về cách thức các em được đối xử ở trường.

Tuy nhiên, việc học sinh tham khảo ý kiến của thầy cô chủ nhiệm khi có điều vướng mắc chưa nhiều, khoảng 60% số học sinh hầu như không làm việc này. Số liệu này cho thấy, nhiều học sinh vẫn còn e dè trong quan hệ với thầy cô giáo chủ nhiệm, chưa dám thổ lộ, tâm sự và tìm lời khuyên của thầy cô giáo về những vấn đề riêng của mình. Có thể do ở lứa tuổi này, mối quan hệ bạn bè vẫn giữ vai trò chủ đạo nên các em dễ dàng chia sẻ, tâm sự với bạn bè hơn là với thầy cô giáo.

Kết quả so sánh cảm nhận của học sinh về mối quan hệ với thầy cô giáo theo một số đặc điểm nhân khẩu cho thấy:

Cảm nhận về mối quan hệ với thầy cô giáo ở những học sinh có học lực khác nhau, có hạnh kiểm khác nhau hầu như không có khác biệt. Không có sự khác biệt giữa học sinh nam và học sinh nữ trong đánh giá chung về mối quan hệ giữa thầy cô giáo và học sinh. Tuy nhiên, xét theo từng biểu hiện cụ thể, học sinh nữ đánh giá tích cực hơn học sinh nam về việc các thầy cô giáo hiểu và thông cảm với tâm lý của lứa tuổi học sinh THPT ($p = 0,001$). Lý giải cho điều này có thể kể đến sự khác biệt theo giới trong cảm nhận về tình cảm: nữ giới thường có cảm nhận về tình cảm dương tính nhiều hơn so với nam giới, các em nữ sinh dễ nảy sinh tình cảm, dễ dàng chia sẻ, gần gũi nên cảm nhận của các em cũng tốt hơn (Trương Thị Khánh Hà, 2012).

Khác biệt lớn nhất được tìm ra khi so sánh theo địa bàn sinh sống, theo khối lớp (bảng 2). Kết quả phân tích số liệu cho thấy, học sinh ở Hòa Bình nhận định mối quan hệ thầy trò tốt hơn cả (ĐTB = 3,11), xếp thứ hai là đánh giá của học sinh ở Hà Nội (ĐTB = 2,97) và cuối cùng là học sinh ở Thanh Hóa (ĐTB = 2,76).

Học sinh lớp 10 đánh giá mối quan hệ với giáo viên có phần tích cực hơn so với học sinh lớp 11 và lớp 12, sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê ($p < 0,001$). Điều này có thể do tâm lý của học sinh lớp 10 - các em mới bước chân vào trường cấp 3, chưa có nhiều bạn bè, nhận được nhiều sự hướng dẫn tận

tình của thầy cô, nên mối quan hệ với thầy cô giáo được các em đánh giá tích cực hơn so với hai khối lớp 11 và 12 khi mà các em có dần quen và có thêm bạn bè - mối quan hệ khác,... nên chẳng có sự san sẻ và cảm nhận về mối quan hệ thầy trò kém đi.

Bảng 2: Mối quan hệ giữa giáo viên với học sinh
(So sánh theo địa bàn sinh sống và khối lớp)

Tiêu chí so sánh	Khác biệt theo biến	Kết quả khác biệt nhóm (ĐTB)	Giá trị p
Khu vực (Hà Nội - Hòa Bình - Thanh Hóa)	Quan hệ thầy trò	Hà Nội (2,97) < Hòa Bình (3,11)	0,032
		Hà Nội (2,97) > Thanh Hóa (2,76)	< 0,001
		Hòa Bình (3,11) > Thanh Hóa (2,76)	< 0,001
Khối lớp (10 - 11 - 12)	Quan hệ thầy trò	Lớp 10 (3,1) > Lớp 11 (2,85)	< 0,001
		Lớp 10 (3,1) > Lớp 12 (2,87)	< 0,001
		Lớp 11 (2,85) > Lớp 12 (2,87)	

Kết quả đó có thể cho ta thấy rằng: học sinh trong mẫu nghiên cứu cảm nhận tương đối tích cực về mối quan hệ với thầy cô giáo, nhưng mức độ tích cực có chênh lệch nhất định khi xét theo địa bàn (quan hệ giữa giáo viên và học sinh ở Hòa Bình có cảm nhận tích cực nhất, tiếp đến là ở Hà Nội, cuối cùng là ở Thanh Hóa) và theo khối lớp (quan hệ với giáo viên của học sinh khối 10 tích cực hơn học sinh khối 12). Giáo viên và học sinh gần gũi và thoải mái trong việc chia sẻ cùng nhau. Giáo viên không phải là người toàn quyền đưa ra mọi quyết định mà là người định hướng, khuyến khích học sinh tìm được cách giải quyết cho vấn đề mình gặp phải, các em được nhìn nhận độc lập hơn, hiểu biết và trưởng thành hơn. Đây là điều kiện thuận lợi giúp các em phát triển cả về tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề. Tuy nhiên, có thể do đặc điểm lứa tuổi, các em vẫn chưa thực sự cởi mở, chia sẻ vấn đề riêng tư của mình với giáo viên chủ nhiệm.

3.2. Mối quan hệ giữa giáo viên và học sinh với sức khỏe tinh thần của các em

Kết quả phân tích số liệu cho thấy, 78,2% số học sinh trong mẫu chọn có sức khỏe tinh thần khỏe mạnh, được biểu hiện ở hành vi ủng hộ xã hội, không có nguy cơ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe tinh thần, có bạn thân, đi học đều, sống hòa nhập với gia đình và tham gia vào các hoạt động thể thao. Mặc dù vậy, vẫn có tới 21,8% số học sinh có nguy cơ về sức khỏe tinh thần nói

chung với những biểu hiện cụ thể: không thể hiện hành vi ủng hộ xã hội, có vấn đề về cảm xúc, bị trầm cảm, lo âu, có sử dụng chất gây nghiện.

Bảng 3: Tỷ lệ học sinh có nguy cơ và không có nguy cơ về các vấn đề tâm lý liên quan đến sức khỏe tinh thần của học sinh trung học phổ thông

Các vấn đề tâm lý	Không nguy cơ		Có nguy cơ	
	N	%	N	%
Hành vi ủng hộ xã hội	622	87,1	92	12,9
Tăng động/giảm chú ý	657	92,0	57	8,0
Vấn đề cảm xúc	559	79,7	143	20,3
Vấn đề hành vi	666	93,4	47	6,6
Vấn đề hòa nhập	661	94,4	39	5,6
Tổng điểm khó khăn	508	78,2	142	21,8

Cụ thể là: Học sinh THPT trong nghiên cứu có khó khăn nhiều nhất là vấn đề cảm xúc (chiếm 20,4%), sau đó đến vấn đề tăng động (chiếm 8%) trong khi các em ít có vấn đề hòa nhập (chiếm 5,6%) và hành vi (chiếm 6,6%). Tỷ lệ học sinh có nguy cơ cao về vấn đề hành vi ủng hộ xã hội tuy không lớn, nhưng cũng đáng kể khi chiếm tới 12,9% số học sinh (bảng 3).

Kết quả nghiên cứu còn chỉ ra rằng 26,6% số học sinh THPT thuộc mẫu nghiên cứu có mức độ trầm cảm từ nhẹ đến nặng, trong đó có 4,3% số học sinh bị trầm cảm nặng, 8,1% số học sinh bị trầm cảm vừa và 14,2% số học sinh bị trầm cảm nhẹ. Có 16,5% số học sinh có mức độ lo âu vừa và 2,3% có mức độ lo âu nặng. 68,2% trong tổng số học sinh không bao giờ dùng chất gây nghiện; 31,8% có dùng chất nào đó ở các mức độ khác nhau (trong đó 26,4% số em chỉ sử dụng chất nhưng tần suất sử dụng rất thấp, chỉ dưới 1 lần mỗi tháng; 4% số học sinh sử dụng vài lần trong một tháng; số học sinh được coi là nghiện - sử dụng thường xuyên - không lớn, chỉ chiếm 1,4%).

Xem xét tương quan giữa mối quan hệ thầy trò và những biểu hiện về sức khỏe tinh thần của học sinh cho thấy, có sự tương quan và có ý nghĩa thống kê, nhưng độ lớn của hệ số tương quan ở các mức độ khác nhau. Ở đây, chúng tôi gộp hai biến vấn đề hành vi và tăng động/giảm chú ý thành biến hành vi lệch chuẩn nói chung bởi xét cho cùng, hai biến này đều thuộc nhóm rối nhiễu hướng ngoại thể hiện những hành vi không chuẩn mực (bảng 4).

Bảng 4: Tương quan và hồi quy giữa mối quan hệ giữa thầy cô giáo và học sinh với sức khỏe tinh thần của các em

Biến độc lập	Biến phụ thuộc	Hệ số tương quan (r)	Hệ số hồi quy đơn biến (r ²)
Mối quan hệ thầy trò	Hành vi lệch chuẩn	-0,263**	0,068
	Vấn đề cảm xúc	-0,162**	0,025
	Hành vi ủng hộ xã hội	0,187**	0,034
	Vấn đề hòa nhập	-0,158**	0,028
	Học sinh có nguy cơ nghiện	-0,325**	0,105
	Mức độ lo âu	-0,149**	0,021
	Mức độ trầm cảm	-0,248**	0,06

Ghi chú: **: khi $p < 0,01$.

Từ bảng 4 có thể rút ra một số nhận xét như sau:

Có sự tương quan có ý nghĩa thống kê giữa mối quan hệ thầy trò với những vấn đề sức khỏe tinh thần của học sinh THPT trong mẫu nghiên cứu. Tuy nhiên, tương quan ở đây không quá mạnh bởi hệ số chưa cao, dao động từ 0,149 đến 0,325; trong đó, mối quan hệ thầy trò có tương quan yếu nhất với vấn đề rối loạn lo âu, tương quan mạnh nhất với biến học sinh có nguy cơ nghiện, tiếp đó lần lượt là các biến: hành vi lệch chuẩn, mức độ trầm cảm, hành vi ủng hộ xã hội, vấn đề cảm xúc, vấn đề hòa nhập.

Yếu tố mối quan hệ giữa giáo viên - học sinh với yếu tố hành vi ủng hộ xã hội có mối tương quan thuận duy nhất. Tức là, mối quan hệ giữa thầy cô và học sinh được đánh giá tốt thì các em có thể hòa nhập và có nhiều hành vi hợp tác, ủng hộ xã hội hơn. Kết quả này cũng tương đồng với nghiên cứu của Baker và cộng sự cũng chỉ ra học sinh có mối quan hệ với thầy cô đặc trưng bởi sự âm áp, tin tưởng và mức độ xung đột thấp có liên quan đến hành vi tích cực ở trẻ (Baker và cộng sự, 2008).

Còn lại, mối quan hệ thầy trò với các yếu tố về cảm xúc, vấn đề về hành vi lệch chuẩn, nguy cơ có vấn đề nghiện, rối loạn lo âu, trầm cảm đều có mối tương quan nghịch. Cụ thể, nếu mối quan hệ giữa thầy cô giáo và học sinh tốt thì các em sẽ ít gặp vấn đề hành vi, ít có hành vi lệch chuẩn, gặp ít vấn đề về cảm xúc, rối loạn lo âu hay trầm cảm và ngược lại. Kết quả này có nét tương đồng với kết quả của các nhà nghiên cứu Maria D. LaRusso và cộng sự (2007), Hattie (2015), Bond và cộng sự (2006), Nguyễn Thị Hằng Phương (2009),...

Các kết quả phân tích mối tương quan cho thấy rằng, khi mối quan hệ giữa giáo viên với học sinh càng tích cực thì những biểu hiện sức khỏe tinh thần của học sinh THPT càng giảm và làm tăng hành vi ủng hộ xã hội. Kết quả này đồng nhất với kết quả nghiên cứu của Lyndal Bond và Helen Butler (2007) khi chỉ ra rằng, mối quan hệ tốt tạo điều kiện cho học sinh có những hành vi ủng hộ xã hội, giảm những hành vi, cảm xúc tiêu cực. Trái lại, mối quan hệ giữa giáo viên với học sinh có những biểu hiện tiêu cực thì các em càng có những hành vi lệch chuẩn, có vấn đề về cảm xúc hay nguy cơ cao về nghiện chất.

Song song với việc tìm mối tương quan giữa quan hệ thầy trò với sức khỏe tinh thần của học sinh THPT, phép phân tích hồi quy đơn biến được sử dụng để xem xét khả năng dự báo của mối quan hệ giữa giáo viên và học sinh đối với các biểu hiện của sức khỏe tinh thần của học sinh. Kết quả phân tích hồi quy đơn biến cho thấy, mối quan hệ giữa giáo viên và học sinh đều dự báo được sự thay đổi của cả 6 khía cạnh sức khỏe tinh thần của học sinh. Tuy nhiên, mức độ dự báo của mối quan hệ giữa giáo viên và học sinh đến sức khỏe tinh thần của các em là khác nhau (dao động từ 2,1% đến 10,5%). Tức là, nếu mối quan hệ thầy cô giáo và học sinh thay đổi tích cực thì có thể tiên đoán rằng sức khỏe tinh thần của các em có sự thay đổi tích cực hơn. Trong đó, mối quan hệ thầy trò có mức độ ảnh hưởng mạnh hơn cả đến nguy cơ học sinh có vấn đề nghiện, kể đến là hành vi lệch chuẩn, vấn đề trầm cảm, tác động ít nhất là vấn đề rối loạn lo âu.

4. Kết luận

Kết quả khảo sát học sinh THPT trong mẫu nghiên cứu của chúng tôi cho thấy, mối quan hệ giữa giáo viên và học sinh tương đối tích cực, nhưng mức độ tích cực có chênh lệch nhất định khi xét theo địa bàn sinh sống và theo khối lớp. Học sinh khá hài lòng về cách mình được đối xử tại trường, đánh giá tích cực nhất về sự công bằng, tiếp đến là sự coi trọng quy tắc ứng xử và sự quan tâm của thầy cô giáo đối với các em. Tuy nhiên, nhiều em vẫn chưa sẵn sàng chia sẻ những vấn đề riêng tư của mình với giáo viên chủ nhiệm.

Mối quan hệ giữa giáo viên và học sinh có những tác động nhất định đến sức khỏe tinh thần của học sinh THPT, dù mức độ tác động không cao. Mối quan hệ này tích cực thì các khía cạnh nguy cơ sức khỏe tinh thần của học sinh (nguy cơ nghiện chất, hành vi lệch chuẩn, trầm cảm, có vấn đề cảm xúc, lo âu) sẽ giảm xuống, hành vi ủng hộ của học sinh sẽ tăng lên. Vì vậy, việc duy trì mối quan hệ tốt giữa giáo viên với học sinh là một yếu tố thuận lợi cho sự phát triển nhân cách của các em. Mặt khác, kết quả nghiên cứu này cho thấy, khi nghiên cứu những vấn đề liên quan đến sức khỏe tinh thần của học sinh cần phải chú ý đến yếu tố môi trường trường học nói chung, mối quan hệ giữa giáo viên với học sinh nói riêng.

Tài liệu tham khảo

1. Action Aid Việt Nam (2004). *Báo cáo kết quả nghiên cứu bao hành đối với trẻ em gái trong môi trường học đường*. Tháng 3.
2. Baker J.A., Grant S. & Morlock L. (2008). *The teacher-student relationship as a developmental context for children with internalizing or externalizing behavior problems*. School Psychology Quarterly. 23 (1). 3 - 15.
3. Đỗ Thị Châu (2005). *Tình huống tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm*. NXB Giáo dục. Hà Nội.
4. Elizabeth T. Gershoff (2017). *School corporal punishment in global perspective: prevalence, outcomes, and efforts at intervention*. Psychology, Health & Medicine. Vol. 22. P. 224 - 239.
5. Hattie (2015). *His high impact strategies for teachers*.
6. Trần Bá Hoành (2006). *Vấn đề giáo viên - những nghiên cứu lý luận và thực tiễn*. NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.
7. Maria D. LaRusso, Daniel Romer, Robert L. Selman (2007). *Teachers as builders of respectful school climates: implications for adolescent drug use norms and depressive symptoms in high school*. Journal of Youth and Adolescence. Vol. 37 (4). P. 386 - 398.
8. Lauren R. Miller-Lewis, Alyssa C.P. Sawyer, Amelia K. Searle, Murthy N. Mittinty, Michael G. Sawyer và John W. Lynch (2014). *Student-teacher relationship trajectories and mental health problems in young children*. BMC Psychol. 2 (1): 27. Bài toàn văn: <https://www.ncbi.nlm.nih.gov/pmc/articles/PMC4317136/>.
9. Lyndal Bond, Ph.D. Helen Butler, B.A. et.al. (2007). *Social and school connectedness in early secondary school as predictors of late teenage substance use, mental health, and academic outcomes*. Journal of Adolescent Health. Vol. 40. Issue 4. P. 357 (e9 - e18).
10. Nguyễn Thị Hằng Phương (2009). *Thực trạng và nguyên nhân gây ra rối loạn lo âu ở học sinh Trường THPT chuyên Quảng Bình*. Tạp chí Tâm lý học. Số 6. Tr. 57 - 63.
11. Nguyễn Thị Minh Sao (2015). *Tình trạng bạo lực của giáo viên đối với học sinh: một phân tích xã hội học*. Tạp chí Xã hội học. Số 4 (132). Tr. 122 - 129.
12. Nguyễn Thị Phương Thảo, Đặng Bích Thủy, Trần Thị Vân Anh (2005). *Bạo hành đối với trẻ em gái trong môi trường học đường*. Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới. Số 5. Tr. 22 - 29.